

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13/7/2021

Về "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Đức Chương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1979 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 252 ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị Sa C, sinh năm 1979 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 31 ấp H, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 12/01/2021 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn T trình bày:

Năm 2011, anh T kết hôn cùng chị Dương Thị Sa C và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chỉ được khoảng 01 tuần thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm phai nhạt nên không hạnh phúc. Từ hơn 10 năm nay, anh T và chị C không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau.

Nay, anh Huỳnh Văn T giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Dương Thị Sa C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị C không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn Dương Thị Sa C: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị C không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do. Chị C đã được thông báo về kết quả phiên họp trên và việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ; được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; tuy nhiên, phiên tòa ngày 25/6/2021, bị đơn vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về cư trú, việc giao nhận văn bản tố tụng của chị C và tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng, điều kiện của các đương sự (BL 37, 39). Nguyên đơn, bị đơn đều không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Dương Thị Sa C; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Anh T yêu cầu ly hôn với chị C, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung. Quan hệ tranh chấp này được điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Dương Thị Sa C đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu và Trích lục kết hôn do anh T giao nộp cũng như việc không phản đối của bị đơn và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh T về kết hôn với chị Sa C, được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung là sự thật. Như vậy, anh T và chị C đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ khoảng 10 năm nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội nhưng chỉ vì mâu thuẫn mà anh T và chị C không sống chung với nhau, người nào chỉ biết bốn phận của người đó là đã đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Huỳnh Văn T ly hôn với chị Dương Thị Sa C.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có con chung cũng như tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Văn T chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Huỳnh Văn T được ly hôn với chị Dương Thị Sa C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006532 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Huỳnh Văn T có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Dương Thị Sa C có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**CHU ĐÚC CHƯƠNG**